

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP
ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo**

Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

2. Thông tư số 35/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2018/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.¹

¹ Thông tư số 35/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ



Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Giao dịch xuất khẩu gạo vào thị trường có hợp đồng tập trung và việc ký kết, tổ chức thực hiện hợp đồng tập trung.
2. Chế độ báo cáo của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

GIAO DỊCH XUẤT KHẨU GẠO VÀO THỊ TRƯỜNG CÓ HỢP ĐỒNG TẬP TRUNG VÀ VIỆC KÝ KẾT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TẬP TRUNG

Điều 3. Chỉ định thương nhân đầu mối giao dịch

1. Việc chỉ định thương nhân đầu mối giao dịch hợp đồng tập trung căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.
2. Trường hợp từ hai thương nhân trở lên được chỉ định làm đầu mối tại một thị trường có hợp đồng tập trung thì thực hiện cơ chế đầu mối luân phiên theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo;

Căn cứ Nghị định số 01/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.”

Điều 4. Cơ chế đầu mỗi luân phiên

1. Cơ chế đầu mỗi luân phiên là cơ chế được áp dụng khi có từ hai thương nhân trở lên được chỉ định làm đầu mỗi tại một thị trường có hợp đồng tập trung nhưng cơ quan có thẩm quyền, hoặc nhà nhập khẩu nước ngoài được chỉ định yêu cầu mỗi đợt đấu thầu nhập khẩu gạo theo hợp đồng tập trung chỉ có một thương nhân được tham gia ký kết, giao dịch hợp đồng.

2. Trình tự cơ chế đầu mỗi luân phiên như sau:

a) Chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của nước nhập khẩu về việc nhập khẩu gạo, thương nhân đến lượt luân phiên báo cáo Bộ Công Thương và Hiệp hội Lương thực Việt Nam về khả năng tham gia đợt đấu thầu.

Trường hợp thương nhân đầu mỗi đến lượt luân phiên kiến nghị không tham gia thì phải báo cáo rõ nguyên nhân với Bộ Công Thương, thông báo với Hiệp hội Lương thực Việt Nam và (các) thương nhân đầu mỗi khác.

b) Chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị từ chối tham gia đấu thầu của thương nhân đầu mỗi đến lượt luân phiên, thương nhân đầu mỗi đến lượt luân phiên liên tiếp theo trao đổi thống nhất với Hiệp hội Lương thực Việt Nam về khả năng tham gia đấu thầu.

Việc thay thế đi giao dịch, dự thầu sẽ không được tính là lượt luân phiên của thương nhân được cử đi thay thế và thương nhân được tiếp tục tham gia dự thầu đợt đấu thầu tiếp theo theo đúng lượt luân phiên chính thức của mình.

c) Trường hợp tất cả các thương nhân đầu mỗi không tham gia đợt đấu thầu, Hiệp hội Lương thực Việt Nam báo cáo Bộ Công Thương lý do các thương nhân đầu mỗi không tham dự và có thể đề xuất thương nhân khác tham gia giao dịch, dự thầu.

d) Thương nhân tham gia đợt đấu thầu báo cáo Bộ Công Thương trong trường hợp cần hỗ trợ thủ tục liên quan đến việc giao dịch, dự thầu.

3. Phân bổ chỉ tiêu cho các thương nhân đầu mỗi theo cơ chế luân phiên như sau:

Thương nhân đầu mỗi theo cơ chế luân phiên được trực tiếp xuất khẩu 20% lượng gạo trong hợp đồng tập trung, trong đó:

Thương nhân đầu mỗi ký kết hợp đồng tập trung được thực hiện 2/3 (hai phần ba) số lượng 20% lượng gạo trong hợp đồng tập trung. Các thương nhân đầu mỗi không tham gia ký kết hợp đồng tập trung được phân bổ thực hiện 1/3 (một phần ba) số lượng 20% lượng gạo trong hợp đồng tập trung.

Điều 5. Trách nhiệm của các thương nhân đầu mỗi trong cơ chế đầu mỗi luân phiên

1. Thương nhân đầu mỗi ký kết hợp đồng tập trung theo cơ chế đầu mỗi

luân phiên có trách nhiệm:

a) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

b) Thực hiện 2/3 (hai phần ba) lượng gạo mà các thương nhân được phân giao nhưng không thực hiện hoặc trả lại.

2. Thương nhân đầu mối không ký kết hợp đồng tập trung theo cơ chế đầu mối luân phiên có trách nhiệm:

a) Cùng thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung và Hiệp hội Lương thực Việt Nam xây dựng phương án giao dịch, dự thầu.

b) Phối hợp với thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung theo dõi tình hình thị trường và các vấn đề liên quan đến đợt đấu thầu; trao đổi với Hiệp hội Lương thực Việt Nam về phương án giao dịch, dự thầu.

c) Tham gia chuẩn bị nguồn hàng để thực hiện hợp đồng; cùng thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung tổ chức thực hiện hợp đồng đã ký.

d) Thực hiện 1/3 (một phần ba) lượng gạo mà các thương nhân được phân giao nhưng không thực hiện hoặc trả lại.

Điều 6. Đối tượng phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu

1. Việc phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung cho các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để ủy thác xuất khẩu thực hiện theo quy định và tiêu chí quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 19 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

2. Hiệp hội Lương thực Việt Nam không được phân bổ chỉ tiêu xuất khẩu ủy thác cho các thương nhân không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo được cấp theo quy định của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Quy trình phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu

1. Sau khi nhận được báo cáo của thương nhân đầu mối về việc đàm phán, giao dịch, dự thầu hoặc kết quả ký kết hợp đồng tập trung, Hiệp hội Lương thực Việt Nam thông báo ngay bằng văn bản cho các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo biết để đăng ký chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo của Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thương nhân gửi hồ sơ đăng ký chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu đến Hiệp hội Lương thực Việt Nam bằng văn bản hoặc thư điện tử (email), hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị được phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu của thương nhân, trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại gạo nhận xuất khẩu ủy thác.

b) Báo cáo thành tích xuất khẩu gạo trực tiếp 06 tháng trước đó và tình hình tồn kho thóc, gạo (theo từng chủng loại) của thương nhân, trong đó nêu rõ

lượng gạo tồn kho do mua tạm trữ theo chỉ đạo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (nếu có).

c) Báo cáo kết quả xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua thóc, gạo sản xuất ra từ vùng nguyên liệu của thương nhân (nếu có xây dựng vùng nguyên liệu).

Thương nhân gửi hồ sơ đăng ký quá thời hạn nêu tại khoản 2 Điều này, tính theo dấu bưu điện nơi nhận hoặc theo thời điểm nhận thư điện tử (email), sẽ không được xem xét, phân bổ chỉ tiêu.

3. Căn cứ hồ sơ đăng ký của thương nhân, cân đối nguồn gạo hàng hóa và tình hình mùa vụ thu hoạch trong nước, Hiệp hội Lương thực Việt Nam lập phương án phân bổ chỉ tiêu thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, thông báo bằng văn bản để các thương nhân đã đăng ký biết, thực hiện.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng tập trung, bao gồm cả việc ký kết, thực hiện hợp đồng ủy thác xuất khẩu và báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Công Thương.

Điều 8. Trả lại chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu

1. Trong trường hợp thương nhân không thực hiện được toàn bộ hoặc một phần chỉ tiêu ủy thác đã được phân bổ thì thương nhân phải có văn bản trả lại chỉ tiêu đó gửi cho các thương nhân đầu mối và Hiệp hội Lương thực Việt Nam trong vòng 3 ngày kể từ ngày có quyết định phân bổ chỉ tiêu của Hiệp hội Lương thực Việt Nam. Quá thời hạn trên, thương nhân bị xác định là không thực hiện chỉ tiêu ủy thác.

2. Trên cơ sở tổng hợp lượng gạo mà các thương nhân trả lại chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu hoặc không thực hiện, Hiệp hội Lương thực Việt Nam phân bổ lại cho các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo khác hoặc cho thương nhân đầu mối giao dịch, ký kết hợp đồng. Trường hợp phân bổ lại cho các thương nhân đầu mối trong cơ chế đầu mối luân phiên thì thực hiện theo nguyên tắc thương nhân đầu mối ký kết hợp đồng tập trung thực hiện 2/3 (hai phần ba) lượng gạo, các thương nhân đầu mối không ký kết hợp đồng tập trung thực hiện 1/3 (một phần ba) lượng gạo.

Chương III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA THƯƠNG NHÂN KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO

Điều 9. Báo cáo tình hình ký kết, thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo và lượng thóc gạo, tồn kho

1. Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, thương nhân báo cáo Bộ Công Thương tình hình ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo theo Biểu mẫu

báo cáo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. ²Định kỳ trước ngày 05 hàng tháng thương nhân báo cáo Bộ Công Thương, Sở Công Thương nơi thương nhân có trụ sở chính, có kho, có cơ sở xay, xát hoặc cơ sở chế biến thóc, gạo đồng thời sao gửi Hiệp hội Lương thực Việt Nam về lượng thóc, gạo thực tế tồn kho của thương nhân theo từng chủng loại cụ thể để tổng hợp số liệu phục vụ công tác điều hành. Biểu mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. ³Báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 1 Điều 10 Thông tư này dưới dạng tệp dữ liệu điện tử được gửi đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) qua hòm thư điện tử: xuatkhaucao@moit.gov.vn. Sau khi phần mềm báo cáo được Bộ Công Thương thông báo vận hành chính thức, thương nhân thực hiện báo cáo qua phần mềm.

Trong trường hợp phần mềm báo cáo có trục trặc kỹ thuật ảnh hưởng đến việc gửi dữ liệu, thương nhân có trách nhiệm cập nhật dữ liệu từ thời điểm có trục trặc kỹ thuật đến thời điểm hệ thống vận hành trở lại và gửi báo cáo qua hòm thư điện tử: xuatkhaucao@moit.gov.vn, thời gian cập nhật trong vòng 05 ngày kể từ ngày phần mềm hoạt động bình thường.

Điều 10. Báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo đột xuất

1. ⁴Thương nhân thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

Báo cáo định kỳ hàng quý, thương nhân gửi về Bộ Công Thương trước

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2025.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2025.

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 35/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2025.

ngày 20 của tháng đầu quý kế tiếp. Báo cáo định kỳ hàng năm, thương nhân gửi về Bộ Công Thương trước ngày 20 tháng 01 của năm kế tiếp.

2. Thương nhân thực hiện Báo cáo đột xuất quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP theo yêu cầu của Bộ Công Thương về tình hình thị trường xuất khẩu, tình hình sản xuất, giá thóc gạo, tình hình sản xuất kinh doanh và các yêu cầu khác phục vụ mục đích quản lý điều hành xuất khẩu gạo.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2018.
2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 44/2010/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2010 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.
3. Thương nhân đã được chỉ định làm đầu mối giao dịch trước khi Thông

⁵ Điều 3, Điều 4 Thông tư số 35/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chủ trì, phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu và các đơn vị liên quan xây dựng phần mềm phục vụ công tác báo cáo của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo.

Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển phần mềm phục vụ công tác báo cáo của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước hoặc huy động từ các nguồn kinh phí khác.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ trong công tác lập dự toán, rà soát, tổng hợp chung vào ngân sách hàng năm của Bộ.

3. Trong quá trình thực hiện báo cáo qua phần mềm, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo phản ánh về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) để xử lý.

Thương nhân có trách nhiệm cập nhật vào phần mềm được Bộ Công Thương thông báo đối với các nội dung báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 cho đến thời điểm phần mềm được vận hành chính thức.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2025.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, cơ quan, tổ chức và thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo phản ánh về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) để xem xét, giải quyết./.”

tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc hợp đồng đã ký.

4. Đối với hợp đồng xuất khẩu gạo đã được đăng ký, hợp đồng tập trung đã được phân bổ thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện.

5. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, cơ quan, tổ chức và thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **16** /VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **20** tháng 6 năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về VBQL;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, XNK.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG TÌNH HÌNH KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU GẠO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÃN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU GẠO

(Tháng.....Năm.....)

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018, thương nhân báo cáo tình hình ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo như sau:

1. Tên thương nhân:
2. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo:
3. Điện thoại:
Fax:

4. Tình hình xuất khẩu của thương nhân từ ngày 15 tháng trước đến ngày 15 của tháng thực hiện báo cáo:

a) Theo chủng loại gạo xuất khẩu

Loại hợp đồng	STT	Chủng loại gạo	Phẩm cấp	Trị giá FOB (USD)	Lượng xuất khẩu (Tấn)
Hợp đồng thương mại	1	Gạo trắng	5% tấm		
	2	Gạo trắng	15% tấm		
	3	Gạo trắng	25% tấm		
	4	Gạo trắng	Loại khác		
	5	Gạo đỏ			
	6	Gạo nếp			

Handwritten signature

Loại hợp đồng	STT	Chủng loại gạo	Phẩm cấp	Trị giá FOB (USD)	Lượng xuất khẩu (Tấn)
Hợp đồng tập trung (kể cả ủy thác xuất khẩu)	7	Gạo thơm			
	8	Gạo japonica			
	9	Gạo tẻ			
	10	Loại khác			
	Tổng cộng				
	1	Gạo trắng	5% tẻ		
	2	Gạo trắng	15% tẻ		
	3	Gạo trắng	25% tẻ		
	4	Gạo đỏ			
	Tổng cộng				

b) Theo thị trường xuất khẩu

Kỳ báo cáo	STT	Thị trường xuất khẩu (viết tên tiếng Anh)	Trị giá FOB (USD)	Lượng xuất khẩu (Tấn)
Hợp đồng thương mại	1			
	2			
	...			
	Tổng cộng			
Hợp đồng tập trung (kể cả ủy thác xuất khẩu)	1			
	2			
	...			
	Tổng cộng			

5. Tình hình ký kết hợp đồng của thương nhân từ ngày 15 tháng trước đến ngày 15 của tháng thực hiện báo cáo:

a) Hợp đồng thương nhân mới ký kết:

STT	Loại hợp đồng	Ngày hợp đồng	Chủng loại gạo	Phẩm cấp	Thị trường xuất khẩu	Số lượng (Tấn)	Trị giá FOB (USD)	Thời gian giao hàng (giao toàn bộ/giao theo đợt)
1								
2								
...								
Tổng cộng								

b) Hợp đồng đã ký kết mà thương nhân hủy:

STT	Loại hợp đồng	Ngày hợp đồng	Chủng loại gạo	Phẩm cấp	Thị trường xuất khẩu	Số lượng (Tấn)	Trị giá FOB (USD)	Ngày hủy hợp đồng
1								
2								
Tổng cộng								

Ghi chú:

- Chủng loại gạo chia theo: gạo trắng, gạo đỏ, gạo nếp, gạo thơm, gạo japonica, gạo tằm, loại khác.
- Phẩm cấp chia theo gạo 5% tằm, 15% tằm, 25% tằm, 100% tằm, loại khác.
- Thị trường xuất khẩu viết tên tiếng Anh của nước xuất khẩu.
- Trong trường hợp hợp đồng quy định điều kiện giao hàng khác điều kiện FOB, thương nhân quy đổi để có giá trị FOB.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC II
MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN LƯỢNG THÓC, GẠO
TỒN KHO CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018
của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO LƯỢNG THÓC, GẠO TỒN KHO
(Tuần từ ngày... tháng....năm....đến ngày... tháng... năm....)

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 30/2018/TT-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo báo cáo lượng thóc, gạo tồn kho như sau:

1. Tên thương nhân:
2. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo:
3. Điện thoại: Fax:
4. Email: Website:
5. Lượng thóc, gạo tồn kho:

STT	Chủng loại thóc, gạo	Lượng tồn kho tại thời điểm báo cáo (Tấn)	
		Gạo	Thóc
1	Gạo trắng		
2	Gạo đỏ		
3	Gạo nếp		
4	Gạo thơm		
5	Gạo japonica		
6	Gạo tằm		
7	Loại khác:		
Tổng cộng			

Thương nhân cam kết về nội dung báo cáo trên đây./.

Đồng kính gửi:

- Hiệp hội Lương thực Việt Nam;
- Sở Công Thương địa phương.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

